TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/3/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Anh Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST–HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố B thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm T, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nhận ngày 08-11-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Kim P trình bày:

Bà Lê Thị Kim P và ông Phạm T tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã (nay là thị trấn) L, huyện B vào năm 2014. Thời gian đầu bà P, ông T sống hạnh phúc đến tháng 05/2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ông T không chăm lo gia đình, chỉ biết đi ăn nhậu,

không phụ tiền nuôi con, một mình bà P phải tự chăm sóc con cái, dần dần bà P, ông T phát sinh mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng hơn. Hiện bà P, ông T đã sống ly thân gần 01 năm, kể từ thời điểm ly thân đến nay ông T không hề quan tâm đến gia đình con cái, bà P đã nhiều lần cho ông T cơ hội để sửa đổi nhưng không có kết quả. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị Kim P yêu cầu ly hôn với ông Phạm T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thiên Phú, sinh ngày 03/9/2020. Bà P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thiên Phú và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Bị đơn ông Phạm T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông T có nơi cư trú tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà P theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà P và ông T chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 124, quyển số 01/2014 tại UBND xã (nay là thị trấn) L, huyện B, tỉnh Bình Dương ngày 05/12/2014 nên hôn nhân của Bà P và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả, không có sự tin tưởng, yêu thương tôn trọng lẫn nhau. Bà P và ông T đã sống ly thân gần 01 năm, tại biên bản xác minh ngày 17/11/2021 thể hiện bà P, ông T trong quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc thể hiện việc không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà P. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc bà P và ông T là vợ chồng nhưng đã ly thân, không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thiên P, sinh ngày 03/9/2020, bà P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Xét thấy, cháu P dưới 36 tháng tuổi và bà P hiện có công việc ổn định, đang trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu P nên yêu cầu về con chung của bà P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim P đối với bị đơn ông Phạm T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Kim P được ly hôn với ông Phạm T.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Thiên P, sinh ngày 03/9/2020 cho bà Lê Thị Kim P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng: Bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0008796 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- UBND thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Anh Duy